

THÍCH ỨNG TÂM LÝ CỦA PHẠM NHÂN NỮ VỚI VIỆC CHẤP HÀNH ÁN PHẠT TÙ CÓ THỜI HẠN TẠI TRẠI GIAM

ThS. Phạm Thị Thục Oanh

Học viện Cảnh sát Nhân dân.

PGS.TS. Phan Thị Mai Hương

Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ với việc chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam là việc phạm nhân nữ thay đổi nhận thức, cảm xúc và hành vi để đáp ứng với những yêu cầu, quy định của trại giam và đạt hiệu quả trong quá trình cải tạo. Điều tra chọn mẫu trên 555 phạm nhân nữ đang chấp hành án ở một số trại giam của Bộ Công an, có độ tuổi từ 18 đến dưới 70 tuổi (trong đó, trên 77,4% có tuổi từ trên 30 đến dưới 60 tuổi) và có mức án dưới 30 năm. Bảng hỏi được sử dụng để đánh giá thích ứng tâm lý. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phạm nhân nữ nói chung chỉ thích ứng được với một số yêu cầu của chấp hành án và thể hiện xu hướng này ở cả 3 mặt nhận thức, cảm xúc và hành vi. Mối quan hệ giữa ba mặt này vừa thể hiện tính thống nhất và tính khác biệt tương đối. Một số hạn chế của nghiên cứu đã được đề cập.

Từ khóa: *Thích ứng tâm lý; Án phạt tù; Phạm nhân nữ; Thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ.*

Ngày nhận bài: 28/2/2019; Ngày duyệt đăng bài: 25/3/2019.

1. Mở đầu

Thích ứng tâm lý là một quá trình và kết quả của quá trình này là sự hòa nhập của cá nhân vào môi trường văn hóa - xã hội mới; cấu trúc của thích ứng tâm lý bao gồm: nhận thức, cảm xúc, ý chí, động cơ và cuối cùng là hành vi (Ushatikov A.I. và Kazak B.B., 2001).

Chấp hành án phạt tù có thời hạn là việc cá nhân bị cách ly khỏi đời sống xã hội, vào trại giam chấp hành án theo quyết định của tòa án trong một thời gian nhất định. Việc chấp hành án bắt buộc phạm nhân phải sống trong một môi trường hoàn toàn mới, khác xa đời sống xã hội: không những bị giam giữ, phải sống, sinh hoạt, rèn luyện và lao động theo quy định của trại giam,

dưới sự giám sát chặt chẽ của bộ phận chức năng, mà còn bị tách biệt hoàn toàn với xã hội bên ngoài. Điều này tạo nên những khó khăn, áp lực tâm lý rõ rệt, đặc biệt đối với phạm nhân nữ. Nghiên cứu của Janet I. Warren D.S.W. (2003) cho thấy, trong quá trình chấp hành án phạt tù, phạm nhân nữ có sự điều chỉnh tâm lý giữa trạng thái tâm lý bên trong và hành vi biểu hiện bên ngoài; đồng thời còn chỉ ra rằng sự hiện diện của âm ảnh, lo âu và những biểu hiện của rối loạn nhân cách đã tác động đến sự điều chỉnh tâm lý của các nữ phạm nhân. Ngoài ra, khi phải chấp hành án tại trại giam, phạm nhân sống trong một thế giới của quy tắc, quy định, giới hạn và ranh giới; họ mất quyền lựa chọn và luôn phải dập tắt những mong muốn của mình để phù hợp với những yêu cầu bắt buộc của cuộc sống trong trại giam. Do đó, thích ứng được với án phạt tù được coi là thành tựu sinh tồn độc đáo hướng tới sự duy trì cân bằng tâm trí (Marisa Singer, 2012). Bên cạnh đó, nghiên cứu của James H. Larson và Joey Nelson (1984) đã cho thấy, về cơ bản, thích ứng với trại giam của phụ nữ có sự tương đồng với nam giới. Tuy nhiên, ở phụ nữ, các mối liên hệ với bên ngoài trại giam có ảnh hưởng nhất định tới thích ứng của họ. Một quan điểm khác cho rằng, phụ nữ có báo cáo cao hơn về căng thẳng trên những rối loạn cơ thể, ám ảnh cưỡng chế, lo âu hơn so với nam giới (Linguist và Linguist, 1997). Todd R. Clear và cộng sự (2015) có nêu lên bốn yêu cầu cơ bản của thích ứng của phạm nhân với cuộc sống trong trại giam; trong đó, phạm nhân thường thực hiện một trong bốn yêu cầu để thích ứng được với cuộc sống trong trại giam. Đó là: làm việc (để có thể tồn tại và sớm được ra khỏi trại giam), học tập (để có thêm kỹ năng làm việc sau khi được tự do, tái hòa nhập động đồng), có thể tự “bỏ tù” (theo nghĩa là trong tâm trí, phạm nhân (phải) tự ép mình vào trạng thái hoàn toàn tách biệt với cuộc sống bên ngoài xã hội, không liên hệ với ai và thấy ổn với trạng thái đó) và có hành vi phản ứng, chống đối lại nhưng phải trong khuôn khổ cho phép (họ thường không thể thực hiện ba yêu cầu ở trên một cách tự nhiên, chịu sức ép tâm lý nặng nề và trở nên sẵn sàng chống đối, không tuân thủ quy định, bạo lực... nhưng họ biết khuôn khổ để chi phản đối/ phản ứng trong phạm vi đó).

Có thể thấy, thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ với việc chấp hành án phạt tù có thời hạn (sau đây gọi là thích ứng) không phải là thích ứng với một môi trường mới phổ biến với nhiều người bình thường mà là thích ứng với môi trường đặc biệt. Ở đó, phạm nhân phải chấp nhận từ trong tâm (thế giới nội tâm của nhận thức, cảm xúc, động cơ, nhu cầu...) với những quy định, nội quy, các yêu cầu mang tính bắt buộc tại trại giam và phải thể hiện bằng hành vi chấp hành (thế giới ngoại hiện của hành động) và bị giám sát chặt chẽ. Thích ứng diễn ra trong cả quá trình và kết quả của nó là sự thay đổi về mặt tâm lý để phạm nhân có thể hòa nhập với môi trường bị giam giữ, mất tự do, sống “ôn” với các quy định chặt chẽ ở đây.

Tại Việt Nam, phạm nhân nữ khi chấp hành án phạt tù tại trại giam bị quản lý chặt chẽ về con người, các mối quan hệ xã hội, diễn biến tâm lý, tư tưởng và được tổ chức giáo dục, lao động và sinh hoạt theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Vì thế, thích ứng với việc chấp hành án phạt tù tại trại giam không chỉ đơn thuần là thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống nói chung mà thích ứng với môi trường đặc biệt trong trại giam, phải tuân thủ chấp hành các quy định, yêu cầu của trại giam cũng như những quy định của pháp luật đối với họ để có thể sớm được giảm án, trở về tái hòa nhập cộng đồng. Thực tế, đây là loại thích ứng bắt buộc, không có tính lựa chọn, mà phạm nhân nữ phải đạt được nếu muốn cải tạo tốt, để được ra khỏi trại giam. Nghiên cứu được thực hiện nhằm trả lời câu hỏi: Vậy trong điều kiện đặc biệt như vậy thì thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ ở nước ta với việc chấp hành án phạt tù có đặc trưng gì? Kết quả nghiên cứu sẽ góp thêm những nét mới trong bức tranh về đời sống tâm lý của phạm nhân nữ tại trại giam, phát hiện những vấn đề trong thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ trong thời gian cải tạo trong trại giam.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 555 phạm nhân nữ đang chấp hành án phạt tù có thời hạn dưới 30 năm tại một số trại giam của Bộ Công an thuộc khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ, có độ tuổi từ 18 đến 70 tuổi, chủ yếu có độ tuổi từ trên 30 tuổi đến dưới 60 tuổi (77,4%). Trong đó, có 60,2% phạm nhân nữ phạm các tội về ma túy và gần 23% phạm tội lần thứ hai trở lên.

2.2. Công cụ

Bảng hỏi về thích ứng tâm lý được sử dụng để đánh giá sự thay đổi về nhận thức, cảm xúc và hành vi của phạm nhân nữ về việc tuân thủ chấp hành các quy định, yêu cầu của trại giam so với ngày mới vào trại. Thích ứng tâm lý được coi là việc thay đổi các mặt này để chấp nhận, an tâm và thực hiện được các quy định bắt buộc đối với họ. Bảng hỏi liệt kê các yêu cầu, quy định cơ bản của trại giam qua 79 mệnh đề (item) (trong đó, có 67,1% số item ngược nghĩa) thuộc 3 lĩnh vực nhận thức (nghĩ), cảm xúc (cảm thấy) và hành vi (hành động) với các nội dung liên quan những yêu cầu cơ bản nhất trong sinh hoạt, học tập và lao động trong trại. Ví dụ: “Việc đi ngủ và xem tivi bị hạn chế theo quy định giờ giấc là không cần thiết”; “Việc phải bắt buộc tham gia học tập các quy định, nội quy trại giam làm tôi thấy mệt mỏi”; “Tôi tham gia không tích cực lắm vào các hoạt động tập thể mà trại giam tổ chức”... Mỗi item có hai phương án: “Có” và “Không” trả lời cho câu hỏi: có nghĩ thế không hoặc có cảm thấy thế không hoặc có làm thế không ở 2 thời điểm là lúc mới vào trại và hiện nay.

Phương án trả lời “Có”/“Không” là đơn giản nhất, thích hợp với những người trả lời có hoàn cảnh (như phạm nhân) và nội dung hỏi cố về ngày đầu vào trại là khả thi bởi đó là thời điểm ấn tượng của đời người, chuyển từ tình trạng tự do sang mất tự do. Mặt khác, các lĩnh vực để đánh giá thích ứng chỉ tập trung vào những yêu cầu cơ bản nhất về đời sống và hoạt động trong trại giam nên khá đơn giản, đặc biệt, các quy định hầu như không thay đổi theo thời gian là đặc điểm hỗ trợ tị nạn. Đồng thời, cách thiết kế này làm giảm đáng kể hiệu ứng mong đợi xã hội bởi người trả lời không dự đoán được phương án nào là phù hợp với yêu cầu chung.

2.3. Phân tích thống kê

(1) Thích ứng được tính là sự thay đổi theo hướng tích cực hoặc giữ nguyên hướng tích cực so với trước ở nhận thức, cảm xúc và hành vi. Điểm số 0 và 1 được quy gán cho 2 phương án trả lời tùy thuộc đó là item thuận (tích cực) hay nghịch (tiêu cực).

1 item được đánh giá là 1 điểm thích ứng khi hiện nay, phạm nhân đáp ứng được các yêu cầu chấp hành án, cụ thể trong những trường hợp sau đây:

Lúc mới vào trại có suy nghĩ/cảm xúc/hành vi tiêu cực nhưng nay không còn thế nữa.

- Lúc mới vào trại có suy nghĩ/cảm xúc/hành vi tích cực và nay vẫn duy trì như vậy.

1 item được đánh giá 0 điểm thích ứng khi hiện nay, phạm nhân không đáp ứng được yêu cầu chấp hành án, cụ thể trong những trường hợp sau:

- Lúc mới vào trại có suy nghĩ/cảm xúc/hành vi tiêu cực và nay vẫn như vậy.

- Lúc mới vào trại có suy nghĩ/cảm xúc/hành vi tích cực nhưng nay không như vậy.

Cách tính điểm này đã xem xét đến việc đảo chiều điểm các item ngược nghĩa.

Điểm thích ứng về mặt nhận thức, cảm xúc và hành vi được tính riêng bằng tổng điểm thích ứng của các item thành phần. Điểm thích ứng chung được tính bằng tổng điểm thích ứng 3 thành phần. Điểm càng cao, càng thể hiện mức độ thích ứng càng cao bởi đáp ứng được nhiều yêu cầu/quy định của việc chấp hành án phạt tù trong trại giam. Tổng điểm thích ứng chung cao nhất là 79 và thấp nhất là 0.

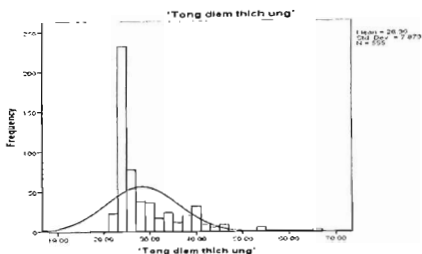
(2) Các chỉ số thống kê: điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tỷ lệ %, tương quan pearson được sử dụng để mô tả thực trạng thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ.

Điểm trung bình của từng biểu hiện thích ứng được tính toán nhằm đối chiếu chúng với nhau. Giá trị này ở mỗi item thấp nhất là 0 (không thích ứng) và cao nhất là 1 (có thích ứng). Điểm càng cao thể hiện càng có nhiều người thích ứng được và điểm càng thấp thì càng ít người thích ứng được từng biểu hiện đó.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Đánh giá chung về thực trạng thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ

Dữ liệu về thích ứng tâm lý chung của phạm nhân nữ thể hiện ở biểu đồ tổng điểm thích ứng (biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Phân bố điểm thích ứng tâm lý chung của phạm nhân nữ

Bảng 1: Tỷ lệ mức độ thích ứng của phạm nhân nữ

Mức điểm	N	Tỷ lệ % số người	Tỷ lệ % số yêu cầu thích ứng được
18 - 19	3	0,6	Dưới 25
20 - 39	500	90,1	Từ 25 đến dưới 50
40 - 59	46	8,2	Từ 50 đến dưới 75
60 - 65	6	1,1	Từ 75 đến 100

Biểu đồ cho thấy, phân bố điểm thích ứng nghiêng trái rõ nét ($Sk = 1,95$), tập trung nhiều ở 1 đỉnh, tức là có độ nhọn cao ($Kur = 4,36$), điểm trung bình = 28,3 cao hơn 3 điểm so với điểm trung vị (= 25,0). Về tổng thể, phân bố điểm thích ứng cho thấy, phần nhiều phạm nhân nữ có mức thích ứng tâm lý ở phía điểm

thấp. Số người có mức độ thích ứng cao là rất ít. Thực trạng thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ được thể hiện cụ thể hơn qua bảng 1.

Căn cứ trên tổng số 79 item (với 79 điểm là mức cao nhất, tương ứng với thích ứng được 100% các yêu cầu được nêu ra), thì mức thích ứng được 50% (tương ứng đạt được 40 điểm) số yêu cầu được coi là trung bình, thích ứng được dưới 25% số yêu cầu (ứng với 19 điểm trở xuống) là mức thấp và 75% số yêu cầu (ứng với 60 điểm) trở lên được coi là mức cao. Kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm thấp nhất của mẫu là 18 (đáp ứng được 22,8% số yêu cầu) và cao nhất là 65 (đáp ứng được 75,9% số yêu cầu). Phần lớn phạm nhân nữ thích ứng ở mức dưới trung bình (90,1%), tỷ lệ này cao gấp 14,8 lần so với tỷ lệ phạm nhân nữ thích ứng ở mức trên trung bình và cao gấp 128,8 lần so với tỷ lệ người thích ứng ở mức cao.

Xem xét mức độ thích ứng ở riêng 3 mặt cho thấy, trung bình, phạm nhân nữ thích ứng được 33% số yêu cầu về mặt nhận thức, 27% số yêu cầu về cảm xúc và 47% số yêu cầu về hành vi cần phải chấp hành. Dữ liệu này cho thấy, phạm nhân nữ thích ứng với việc chấp hành án phạt tù tại trại giam ở mặt hành vi cao nhất và ở mặt cảm xúc thấp nhất. Nếu hành vi là đặc điểm thể hiện bên ngoài, còn nhận thức và cảm xúc là mặt biểu hiện bên trong của tâm lý con người thì có thể thấy, phạm nhân nữ có thể tuân thủ về mặt hành vi bên ngoài, nhưng chưa thực sự chấp nhận trong suy nghĩ và chưa có sự an tâm về cảm xúc khi chấp hành án phạt tù. Đó cũng là lý do mà họ có thể mắc các rối loạn về sức khỏe tâm thần, đặc biệt là rối nhiễu về cảm xúc.

3.2. Thích ứng của phạm nhân nữ về mặt nhận thức

Thích ứng về mặt nhận thức thể hiện ở những suy nghĩ mang tính chấp nhận hoặc tích cực về các yêu cầu của án phạt tù mà phạm nhân phải chấp hành. Bản chất của án phạt là giúp phạm nhân nhận ra lỗi lầm, ăn năn, hối cải. Các điều kiện sinh hoạt chỉ ở mức tối thiểu, các quy định về học tập, lao động buộc phải chấp hành dưới sự giám sát chặt chẽ chính là điều kiện cần để họ nhìn nhận lại bản thân và hành vi của mình một cách căn bản. Thích ứng về mặt nhận thức giúp phạm nhân chấp nhận trong nội tâm để hòa nhập với môi trường trại giam.

Dữ liệu thích ứng về nhận thức cho thấy, đa số phạm nhân nữ (85,0%) đạt ở mức độ thích ứng dưới trung bình, tức là chỉ đạt được từ 25 đến dưới 50% số yêu cầu đặt ra. Họ dù đã có những thay đổi nhất định về mặt nhận thức theo hướng chấp nhận và tích cực hơn so với những ngày đầu mới vào trại giam nhưng sự thay đổi đó chưa đáng kể, chỉ đạt mức dưới trung bình. Các biểu hiện thích ứng và chưa thích ứng trong nhận thức về nội quy trại giam, về hoạt động học tập và về hoạt động lao động được cụ thể hóa ở các bảng sau đây.

Bảng 2: Tỷ lệ mức độ thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ ở từng mã

Tỷ lệ % số yêu cầu thích ứng được	Nhận thức			Cảm xúc			Hành vi		
	Mức điểm	N	Tỷ lệ % số người	Mức điểm	N	Tỷ lệ % số người	Mức điểm	N	Tỷ lệ % số người
Dưới 25	4 - 7	37	6,7	1 - 5	350	63,1	1 - 6	0	0
25 - < 50	8 - 14	472	85,0	6 - 11	126	22,7	7 - 12	440	79,2
50 - < 75	15 - 21	32	5,7	12 - 17	71	12,8	13 - 18	101	18,1
75 - 100	22 - 30	14	2,6	18 - 24	8	1,4	19 - 25	14	2,7

Bảng 3: Thích ứng nhận thức của phạm nhân nữ

	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
Nội quy trại giam	Mặc quần áo theo mẫu quy định	0,95	0,19
	Nhiều phạm nhân cùng giam chung trong một buồng giam	0,87	0,33
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng	ĐTB	ĐLC
	Các hoạt động sinh hoạt tinh thần, giải trí mà trại giam tổ chức	0,07	0,26
	Việc đi ngủ và xem tivi bị hạn chế giờ giấc theo quy định	0,10	0,30
	Việc bố trí buồng giam bao gồm cả khu vệ sinh, nhà tắm	0,10	0,29
	Cơ hội tiếp cận hay cập nhật thông tin ngoài xã hội qua sách, báo, đài	0,13	0,33
	Diện tích sàn nằm	0,17	0,37
	Lượng nước sinh hoạt	0,17	0,38
Hoạt động học tập	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Ích lợi của học nghề	0,93	0,25
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được		
	Ích lợi của học tập pháp luật trong trại giam	0,04	0,21
	Hình thức học pháp luật	0,07	0,25
	Thời gian bố trí các buổi học tập	0,07	0,25
Quy định về tham gia học nghề, học tập pháp luật	0,09	0,29	

	Học 4 tiêu chuẩn thi đua chấp hành án phạt tù và 10 điều về nếp sống văn hóa	0,09	0,28
	Những nội dung học tập về giáo dục công dân, đạo đức	0,10	0,29
	Học 15 điều nội quy trại giam	0,11	0,31
	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Lợi ích của lao động: giúp thời gian chấp hành án trôi qua nhanh hơn	0,97	0,15
	Lợi ích của lao động: giúp học hỏi kinh nghiệm và cách làm việc hiệu quả	0,97	0,15
	Lợi ích của lao động: giúp học được nghề nào đó có ích sau khi được thả tù	0,96	0,19
	Lợi ích của lao động: giúp rèn luyện sức khỏe, sự kiên trì	0,97	0,16
	Lợi ích của lao động: giúp có thêm bạn, hiểu hơn về cuộc sống của họ	0,96	0,17
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Thời gian làm 8 tiếng/ngày	0,04	0,20
	Lao động bắt buộc không có lựa chọn khác	0,05	0,21
	Bắt buộc lao động trong điều kiện khó khăn	0,08	0,27
	Phải hoàn thành định mức lao động	0,09	0,29
	Thời gian lao động vất vả	0,11	0,31
	Chấp hành quy định về thời gian, giờ giấc lao động	0,12	0,33

Ghi chú: Điểm đã được quy đổi cùng chiều theo hướng tích cực.

Trong nhận thức về nội quy trại giam, hầu hết phạm nhân nữ đã chấp nhận việc phải mặc quần áo tù và ở đông người trong một buồng. Tuy nhiên, việc thiếu các sinh hoạt giải trí tại trại giam thì số đông chưa thể chấp nhận được. Một phần không nhỏ chưa chấp nhận điều kiện ăn, ở tối thiểu của mình tại trại giam.

Nhận thức về hoạt động học tập trong trại giam, đa số phạm nhân nữ đã tin vào lợi ích của học nghề. Tuy nhiên, đại đa số đều coi nhẹ việc học tập pháp luật, học về lối sống và các quy định trại giam. Điều đó cho thấy, họ chưa thực sự chấp nhận với các nội dung học tập này đối với bản thân.

Nhận thức của phạm nhân nữ về hoạt động lao động cho thấy, phạm nhân nữ có sự đánh giá cao về vai trò, ý nghĩa của lao động đối với quá trình

chấp hành án của bản thân và tương lai của họ sau này. Nhưng đồng thời phần đông phạm nhân nữ vẫn chưa thích ứng và đáp ứng được những quy định, yêu cầu về khối lượng công việc mà họ phải thực hiện khi chấp hành án phạt tù tại trại giam. Kết quả này cho thấy, họ chưa thay đổi nhận thức cũng như chưa chấp nhận các yêu cầu về khối lượng lao động, về thời gian, giờ giấc lao động.

3.3. Thích ứng của phạm nhân nữ về mặt cảm xúc

Bảng 4: Thích ứng cảm xúc của phạm nhân nữ

Nội quy trại giam	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Diện tích sàn nằm	0,12	0,33
	Ăn, uống theo định mức	0,13	0,33
	Hình thức tổ chức các hoạt động sinh hoạt, giải trí	0,15	0,36
	Không gian chật chội của phòng giam	0,15	0,36
	Quy định về thời gian xem tivi, giờ ngủ	0,17	0,38
	Nơi ngủ trong trại giam	0,18	0,39
	Quy định về mặc quần áo phạm nhân, ăn, ở	0,19	0,39
	Quy định về việc không được mang đồ cá nhân theo ý muốn vào trại giam	0,20	0,40
Hoạt động học tập	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Nội dung học tập pháp luật	0,18	0,39
	Nội dung học giáo dục công dân	0,15	0,36
	Bắt buộc tham gia học tập các quy định, nội quy trại giam	0,18	0,38
	Bắt buộc học nghề	0,18	0,39
	Phải học tập vào cuối tuần	0,15	0,36
Hoạt động lao động	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Vui khi đôi lúc vi phạm kỷ luật lao động mà không bị phát hiện	0,91	0,27
	Khi được cán bộ trại giam khen ngợi, tuyên dương về có kết quả lao động cao tôi cảm thấy rất vui	0,96	0,18
	Khi học thành thục các thao tác lao động để làm ra một sản phẩm mới, cảm thấy rất vui	0,96	0,19
	Khi không hoàn thành định mức lao động tôi cảm thấy bình thường	0,89	0,30

Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được			
Bắt buộc phải lao động	0,10	0,30	
Thời gian lao động 8 tiếng/ngày	0,12	0,32	
Bị phê bình, nhắc nhở trong quá trình lao động	0,13	0,34	
Phải hoàn thành định mức lao động theo quy định	0,19	0,39	

Ghi chú: Điểm đã được quy đổi cùng chiều theo hướng tích cực.

Thích ứng về mặt cảm xúc thể hiện ở trạng thái cảm xúc tích cực, cân bằng hoặc phạm nhân nữ cảm thấy thoải mái, không khó chịu khi thực hiện các yêu cầu của chấp hành án phạt tù mặc dù điều kiện giam giữ còn thiếu thốn, bị quản lý nghiêm ngặt, chặt chẽ với nhiều quy định, yêu cầu khác nhau trong quá trình cải tạo.

Bảng 4 cho thấy có tới 63,1% số phạm nhân nữ thích ứng về cảm xúc ở mức độ thấp, tức chỉ đạt được dưới 25% các yêu cầu của chấp hành án đối với họ; đồng thời có 22,7% số phạm nhân thích ứng về cảm xúc ở mức độ dưới trung bình, tức là chỉ cảm thấy cân bằng hoặc thoải mái với dưới 50% các yêu cầu. Như vậy, mặc dù phạm nhân nữ đã cảm thấy thoải mái hơn, cân bằng về cảm xúc hơn so với ngày đầu mới vào trại giam nhưng vẫn chỉ đạt mức thấp là chủ yếu. Các biểu hiện của thích ứng và chưa thích ứng cảm xúc về thực hiện nội quy trại giam, về hoạt động học tập và hoạt động lao động được thể hiện rõ hơn ở bảng 4.

Dữ liệu cho thấy, không có nội dung nào thuộc quy định chấp hành án được đa số phạm nhân thích ứng về cảm xúc. Phần đông đều thấy không thoải mái, khó chịu, bị bách với điều kiện về ăn, ở, sinh hoạt tại trại giam cũng như các hình thức tổ chức hoạt động giải trí.

Tương tự như vậy, các yêu cầu về học tập trong trại đều khiến nhiều phạm nhân có cảm xúc tiêu cực như cảm thấy áp lực, buồn chán, mệt mỏi. Họ không thoải mái, có cảm xúc tiêu cực khi thực hiện hoạt động học tập; trong sâu thẳm thế giới nội tâm của họ, họ chỉ chấp nhận và thay đổi cảm xúc ở mức độ thấp (hầu hết các biểu hiện đều có ĐTB nhỏ hơn 0,25).

Những yêu cầu về lao động trong trại có lẽ là điều được phạm nhân nữ cảm thấy thỏa đáng hơn khi bị giam giữ. Kết quả ở bảng 4 cho thấy, phần lớn phạm nhân nữ có cảm xúc tích cực khi lao động đạt hiệu quả và chấp hành được kỷ luật lao động.

Những quy định mà nhiều người chưa thích ứng được về mặt cảm xúc là những quy định mang tính định lượng của hoạt động lao động. Điều này thể

hiện rằng, phạm nhân nữ đã có sự thay đổi về cảm xúc đối với hoạt động lao động, tuy nhiên họ vẫn chưa thích ứng được với các quy định cứng về định mức lao động mà phạm nhân phải thực hiện khi chấp hành án tại trại giam.

Như vậy, phần lớn phạm nhân nữ vẫn chưa thích ứng, chưa chấp nhận và chưa có sự thay đổi về cảm xúc khi thực hiện các yêu cầu của chấp hành án phạt tù. Mặc dù họ đã bắt đầu có được cảm xúc tích cực khi lao động đạt hiệu quả nhưng về cơ bản vẫn chưa đạt được sự cân bằng, chưa có cảm xúc tích cực khi thực hiện các yêu cầu đối với phạm nhân.

3.4. Thích ứng của phạm nhân nữ về mặt hành vi

Thích ứng hành vi là mặt biểu hiện ra bên ngoài thích ứng tâm lý. Thích ứng hành vi biểu hiện ở chỗ phạm nhân nữ chấp nhận tuân thủ, thực hiện các hoạt động do trại giam tổ chức.

Kết quả ở bảng 5 cho thấy, tất cả phạm nhân nữ đều thích ứng ở mức 25% số yêu cầu trở lên. Đây là chỉ số vượt trội hơn hẳn của thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ về mặt hành vi so với thích ứng về cảm xúc hay nhận thức. Dữ liệu cho thấy, đa số phạm nhân nữ đạt mức độ thích ứng được với dưới 50% các yêu cầu đặt ra (79,2% tổng số phạm nhân), hơn 20% số phạm nhân có thể thích ứng được trên 50% số yêu cầu đặt ra. Các biểu hiện thích ứng về hành vi với thực hiện nội quy trại giam, với hoạt động học tập và lao động được thể hiện chi tiết ở bảng 5.

Bảng 5: Thích ứng hành vi của phạm nhân nữ

Nội quy trại giam	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	DLC
	Các quy định của trại về sinh hoạt, ăn, mặc và đi lại	0,96	0,18
	Hòa nhập với cuộc sống ở trong trại giam	0,97	0,14
	Mặc quần áo phạm nhân theo quy định	0,98	0,13
	Ngủ đúng giờ mà nội quy trại giam quy định	0,98	0,13
	Giao tiếp, ứng xử có văn hóa với các phạm nhân khác và với cán bộ	0,97	0,16
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng	ĐTB	DLC
	Phản ứng mang tính xung đột với các phạm nhân khác	0,03	0,18
	Quy định về mang vật cấm vào trại giam	0,10	0,31
	Tham gia vào các hoạt động tập thể	0,12	0,33
	Quy chế trại giam	0,16	0,37

Hoạt động học tập	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Tham gia các buổi hướng dẫn học nghề	0,97	0,15
	Trao đổi với các chị em khác về những điều được cán bộ trại giam dạy cho	0,96	0,18
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Trao đổi với cán bộ trại giam về nội dung học tập	0,12	0,33
	Thực hiện các yêu cầu của buổi học	0,10	0,30
	Tham gia các cuộc thi, cuộc vận động do trại giam tổ chức	0,05	0,22
	Tham gia thường xuyên các giờ học tập	0,05	0,22
Hoạt động lao động	Những nội dung nhiều người thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Tham gia đủ ngày công lao động	1	0
	Chấp hành quy định về lao động trong trại giam	0,98	0,11
	Hoàn thành đủ định mức lao động	0,98	0,13
	Thực hiện thuần thục các thao tác lao động	0,98	0,13
	Những nội dung nhiều người chưa thích ứng được	ĐTB	ĐLC
	Thực hiện đầy đủ các buổi lao động	0,09	0,29
	Tính chủ động trong lao động	0,06	0,24
	Sự tập trung trong quá trình lao động	0,07	0,25
	Kết quả lao động	0,09	0,28

Ghi chú. Điểm đã được quy đổi cùng chiều theo hướng tích cực.

Bảng 5 cho thấy, đa số phạm nhân nữ đã thực hiện được các quy định của trại giam về ăn, mặc, tác phong sinh hoạt, thể hiện sự thích ứng ở cấp độ hành vi. Tuy nhiên, vẫn có những quy định, quy chế mà nhiều phạm nhân còn vi phạm liên quan đến hoạt động tập thể, hành vi cư xử với nhau giữa các phạm nhân... thể hiện sự chưa thích ứng hoàn toàn.

Về mặt học tập, dữ liệu cho thấy phần đông phạm nhân nữ đã tham gia đầy đủ các hoạt động học nghề tại trại giam, trao đổi với nhau về nội dung học được. Tuy nhiên, phần lớn phạm nhân nữ đều không tích cực tham gia các hoạt động học tập gắn với hoạt động phong trào hay học pháp luật, giáo dục công dân, ít trao đổi với cán bộ về nội dung học tập.

Về hoạt động lao động, dữ liệu cho thấy, phạm nhân nữ đã thực hiện được ở mức độ tốt đối với các yêu cầu về ngày công, định mức lao động và thao

tác lao động. Tuy nhiên, đa số phạm nhân nữ lao động một cách lẩn tránh, bị động, chứ không chủ động, kết quả lao động chưa như ý. Có thể thấy, những hành vi lao động dễ dàng bị giám sát đều được phần lớn phạm nhân nữ tuân thủ, còn những gì không giám sát được thì đa số họ làm việc theo kiểu cầm chừng.

3.5. *Mối quan hệ giữa các thành phần thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ*

Xem xét mối quan hệ này cho thấy rõ hơn những đặc trưng của thích ứng tâm lý ở phạm nhân nữ với việc chấp hành án phạt tù tại trại giam.

Trước hết, tương quan giữa các thành phần của sự thích ứng tâm lý (bảng 6) cho thấy khái quát chung, tương quan giữa các yếu tố cấu thành của thích ứng tâm lý ở phạm nhân nữ đều diễn ra theo chiều thuận và từ mức độ vừa đến mạnh. Dữ liệu cho thấy, các mặt của thích ứng không tồn tại độc lập mà có liên quan đến nhau, trong đó thích ứng cảm xúc và thích ứng nhận thức có tương quan với nhau mạnh hơn so với tương quan giữa chúng với thích ứng hành vi. Đây là điểm cho thấy sự thống nhất giữa các mặt này trên bình diện chung.

Bảng 6: Tương quan giữa các chiều cạnh thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ

Các khía cạnh	Nhận thức	Cảm xúc
Cảm xúc	0,643**	
Hành vi	0,531**	0,593**

*Ghi chú: **: $p < 0,01$.*

Điểm thứ hai thể hiện sự thống nhất giữa 3 mặt là ở xu hướng chung về thích ứng từng lĩnh vực. Xem xét tỷ lệ giữa số yêu cầu được nhiều người thích ứng với số yêu cầu mà nhiều người không thích ứng ở các bảng dữ liệu cho thấy, trong số 3 lĩnh vực thích ứng (sinh hoạt, học tập và lao động) thì thích ứng với hoạt động lao động và sinh hoạt được thể hiện rõ ràng hơn ở cả 2 mặt: nhận thức và hành vi. Thích ứng với hoạt động học tập thể hiện mờ nhạt hơn. Còn riêng mặt thích ứng cảm xúc, ở cả 3 lĩnh vực, đều không có yêu cầu nào mà đa số phạm nhân thích ứng được. Tuy vậy, để có đánh giá chính xác hơn về sự thống nhất này thì vẫn cần thêm bằng chứng bởi số lượng các yêu cầu thích ứng được và chưa thích ứng được khi so sánh với nhau có phần khập khiễng.

Tuy vậy, ở những biểu hiện cụ thể, vẫn có độ chênh nhất định giữa 3 mặt này. Ví dụ, phạm nhân nữ có thể nghĩ rằng, mặc quần áo tù là phù hợp và phải mặc chúng, nhưng khi mặc vẫn cảm thấy khó chịu. Tương tự như vậy là

các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt: dù họ chấp nhận trong suy nghĩ về điều kiện ở chung đông người trong phòng chật, nhưng về cảm xúc vẫn thấy bức bách, khó chịu. Độ chênh cũng tồn tại trong cùng một lĩnh vực, cùng một chỉ báo, ví dụ là lao động: hầu hết phạm nhân nữ đều tuân thủ định mức, thời gian lao động, nhưng họ chỉ làm việc cảm chừng, vừa đủ. Họ có thể thấy thoải mái khi học nghề, nhưng lại khó chịu khi học pháp luật và giáo dục công dân.

Trong 3 mặt thích ứng tâm lý được xem xét, thích ứng thể hiện ở hành vi bên ngoài xuất hiện ở nhiều người hơn so với thích ứng thể hiện ở nhận thức và cảm xúc bên trong. Điều này thể hiện rõ tính chất bắt buộc của thích ứng: trong trại giam, những gì bị giám sát sẽ được thực hiện nhiều hơn. Cảm xúc là mặt có mức độ thích ứng thấp nhất, thể hiện rằng, cảm xúc là đặc tính khó có thể kiểm soát ở phạm nhân nữ. Xem xét hệ số tương quan giữa 3 mặt cũng cho thấy, hành vi có tương quan mạnh hơn với nhận thức chứ không phải cảm xúc. Có thể suy luận ở một mức độ nào đó rằng, ở phạm nhân nữ, nhận thức có thể dự báo được sự tuân thủ các yêu cầu của trại giam trong quá trình thi hành án. Đồng thời cũng cho thấy, thích ứng tâm lý của họ là phức tạp, khó tìm thấy tính quy luật chung.

Độ chênh giữa 3 mặt của thích ứng của phạm nhân nữ là bằng chứng cho thấy, thích ứng chung là một chỉ báo tương đối. Vì thế, khi nghiên cứu về thích ứng trên đối tượng này, việc xem xét trên từng mặt sẽ cho thấy rõ hơn những đặc trưng về sự thích ứng của họ.

4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu ở trên có thể đưa ra một số đặc trưng về thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ với việc chấp hành án phạt tù tại trại giam như sau:

Thứ nhất, nhìn chung, phạm nhân nữ chỉ thích ứng được với một số quy định của việc chấp hành án phạt tù có thời hạn tại trại giam. Nhiều quy định họ vẫn chưa thích ứng được. Xu hướng này thể hiện trên cả 3 mặt: nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Thứ hai, giữa ba mặt của thích ứng tâm lý ở phạm nhân nữ có sự thống nhất và khác biệt tương đối. Sự thống nhất thể hiện ở tương quan giữa 3 mặt ở mức độ tương đối mạnh. Còn sự khác biệt thể hiện ở độ chênh về mức độ thích ứng của từng mặt: mặt hành vi có mức độ cao nhất và mặt cảm xúc có mức độ thấp nhất. Vì thế, chỉ số thích ứng chung chỉ nên được xem xét một cách tương đối khi đánh giá mà cần xem xét cả ba mặt một cách độc lập.

Kết quả nghiên cứu còn có những hạn chế nhất định. Thứ nhất, công cụ đo lường tuy đơn giản dễ phù hợp với đối tượng trả lời nhưng có yếu tố hồi cố. Dù hồi cố thời điểm để lại ấn tượng và về các quy định hầu như không thay đổi

của trại giam sau nhiều năm, nhưng dù sao cũng có ảnh hưởng nhất định đến câu trả lời mà người nghiên cứu không kiểm soát được. Thứ hai, đời sống tâm lý con người biến động không ngừng: nhận thức, cảm xúc và hành vi luôn luôn vận động. Nhưng nghiên cứu này không xem xét thích ứng như một quá trình để thấy được sự biến thiên của nhận thức, cảm xúc và hành vi. Thứ ba, thích ứng tâm lý của phạm nhân nữ ở đây chưa được đối chiếu với phạm nhân nam để làm rõ hơn đặc trưng về giới tính khi xem xét thích ứng tâm lý. Những hạn chế này cần được nghiên cứu sâu hơn để góp phần hoàn chỉnh bức tranh phong phú và phức tạp về thích ứng tâm lý của nữ phạm nhân.

Tài liệu tham khảo

1. Edward Zamble, Frank J. Porporino (1988). *Coping, behavior, and adaptation in prison inmates*. Springer-Verlag.
2. Janet I. Warren D.S.W. (2003). *Baseline psychopathology in a women's prison: Its impact on institutional adjustment and risk for violence*. Unpublished research report No. 198621 submitted to the U.S. Department of Justice. Truy cập ngày 18/12/2018 tại <https://www.ncjrs.gov/pdffiles1/nij/grants/198621.pdf>.
3. James H. Larson and Joey Nelson (1984). *Women, Friendship and Adaptation to prison*. Journal of Criminal Justice. Vol. 12. P. 601 - 615.
4. Marisa Singer (2012). *Human behavior in the prison environment: Adaptation as survival*. Voices the Liberman student Journal of Social work. Vol. 3. Truy cập ngày 10/8/2018 tại <https://silbermanvoices.wordpress.com/article-6-vol-3/>.
5. Todd R. Clear, Michael D. Reisig, Carolyn Petrosino, George F. Cole (2015). *American corrections in brief*. Third edition. Boston USA.
6. Ушащликов А.И., Казак Б.Б. (2001). *Основы пенитенциарной психологии: учебник/под ред. С. Н. Пономарева- Рязань*.